



NGHIÊN CỨU NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Thời đại kinh tế tri thức, toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, kéo theo sự chuyển động, đổi thay đáng kể tâm lí con người, nhất là năng lực (NL) thích nghi và sáng tạo [1]. Vì vậy, các nước phát triển đều tiến hành đổi mới hay cải cách giáo dục (GD), tăng cường toàn diện cho nền GD quốc dân, ưu tiên phát triển khoa học nghiệp vụ sư phạm phục vụ đào tạo (ĐT) giáo viên (GV) theo yêu cầu của thế kỉ mới.

2. Vai trò của năng lực sáng tạo đối với giáo viên trong nghề dạy học

Năng lực sáng tạo (NLST) là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của nhân cách, trong đó GV thông qua hoạt động dạy học (DH) của mình, tạo nên những giá trị tinh thần, giá trị vật chất có tính mới, tính khác biệt đối với nhu cầu và lợi ích của sự phát triển ở người học [2]. Nhờ NLST, GV tự ý thức, chủ động, tích cực tạo nên sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu, lợi ích, mục đích đa dạng của sự phát triển con người và xã hội [3]. NLST cần đến tư duy phân kì với khả năng đưa ra nhiều phương án trả lời khác nhau. Nó huy động cùng lúc nhiều tri thức, kinh nghiệm trong các lĩnh vực với sự tưởng tượng để xây dựng được câu trả lời hợp lí và giải quyết vấn đề một cách độc đáo [4].

GV có NLST dễ dàng tiếp cận và sử dụng các phương pháp DH thích hợp để phát triển trí tưởng tượng, tò mò, câu hỏi và thách thức, tạo cho học sinh (HS) suy nghĩ theo chiều rộng. Người GV biết tạo một môi trường lớp học mới và thú vị, cung cấp cho HS không gian kích thích sự nảy sinh ý tưởng, khám phá và thực hiện công việc học tập tốt nhất [5].

3. Sự cần thiết phải phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên

Thời đại mới đặt ra nhiều vấn đề mới về khoa học sư phạm (KHSP). Trong các vấn đề mới của thời đại nổi bật nhất là vấn đề con người, nguồn nhân lực, kéo theo việc GD - ĐT con người và đội ngũ lao động có tay nghề cao [6]. Trong thế kỉ mới, KHSP hướng trọng tâm tới phát triển NL từ tiềm năng đến NLST. Trên cơ sở đó, thế giới đang tiến vào xu thế xây dựng một xã hội tri thức, xã hội sáng tạo, con người sáng tạo [7]. Do đó, KHSP đòi hỏi phải có bước phát triển mới, bắt đầu từ ứng dụng ĐT GV có nhiều nỗ lực, tiến bộ, nâng công tác ĐT GV lên chất lượng mới để thực hiện được nhiệm vụ ĐT những con người sáng tạo, góp phần xây dựng và phát huy "vốn người".

Mục tiêu GD, triết lí GD cho thế kỉ XXI, theo UNESCO, là "GD suốt đời", "xây dựng xã hội học tập" với 4 cột trụ: Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tồn tại. Các bộ môn nghiệp vụ sư phạm phải góp phần xây dựng triết lí GD và trang bị cho giáo sinh vận dụng triết lí ấy vào hoạt động dạy và học [8]. Hơn nữa, 4 cột trụ GD này đều yêu cầu phát triển NLST ở HS. Do đó, các GV cũng phải phát triển óc sáng tạo ngay trong hoạt động dạy - học. Các bộ môn nghiệp vụ sư phạm phải trang bị cho giáo sinh tri thức cơ bản về tâm lí học sáng tạo và phương pháp DH sáng tạo như sáng tạo xử lí các tình huống sư phạm, vận dụng

nguyên tắc phù hợp với đặc điểm của đối tượng người học, DH theo phương pháp cá thể,...

Lao động của nghề DH là loại lao động đặc biệt bởi đối tượng là con người - những nhân cách đang hình thành và phát triển. Vì thế, người dạy phải lựa chọn, gia công lại những tác động xã hội và tri thức loài người bằng lao động sư phạm của mình nhằm hình thành con người đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nghề DH mang tính nghệ thuật và sáng tạo, đòi hỏi người dạy không ngừng tạo nên sự hấp dẫn, lí thú của môi trường sư phạm, khơi dậy những cảm xúc thẩm mĩ đối với người học.

4. Sự cần thiết phải xây dựng phương pháp giáo dục sự sáng tạo cho sinh viên sư phạm

Nghiên cứu của các nhà tâm lí học đã chỉ ra rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự tối ưu hóa tiềm năng sáng tạo của người học. Trong đó, nhấn mạnh sự phát triển NLST của người học bị "tác động" mạnh mẽ bởi phương pháp giảng dạy của GV trong môi trường GD nhà trường [9].

Sáng tạo của người học được phát huy cao nhất khi nó được một môi trường GD tốt đẹp tạo các điều kiện thuận lợi. Đó là môi trường GD dân chủ, môi trường cho sự tự do tư tưởng, tự do tranh luận, khuyến khích việc nảy sinh ý tưởng thông qua hoạt động tương tác giữa các cá nhân với nhau trong quá trình học tập. Hiện nay, một nền GD tiên tiến tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng đóng góp cho sự phát triển bền vững là mục tiêu hướng tới của mọi quốc gia. Mục tiêu đó đòi hỏi nền GD phải khơi dậy sự say mê học tập, kích thích tò mò và khả năng sáng tạo ở người học để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Nền GD như vậy sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất là vai trò của người thầy. Người thầy sáng tạo là người có nhân cách sáng tạo, trong đó thái độ và hành vi của người thầy có ảnh hưởng tới khả năng sáng tạo, niềm say mê hứng thú với công việc học tập của người học. Người thầy có sự thấu hiểu, tin cậy đối với người học, luôn thể hiện sự tôn trọng và công bằng đối với người học. Họ luôn đề cao sự hợp tác giữa người học với nhau và giữa thầy với người học nhằm hỗ trợ nhau giải quyết nhiệm vụ đạt hiệu quả tốt nhất. Môi trường làm việc hợp tác tạo ra mối quan hệ tích cực cùng sự hài hước, vui nhộn của người thầy là một trong những điều kiện cho việc người học phát huy tích cực trong lớp học.

5. Vai trò đặc biệt của sinh viên sư phạm ngành Giáo dục tiểu học trong giáo dục năng lực sáng tạo cho công dân ở trường tiểu học

Hiện nay, dạy và học sáng tạo để phát huy tiềm năng sáng tạo của người dạy và người học, trong đó việc phát triển NLST của người học vừa là mục tiêu vừa là nhiệm vụ của GD.

Với đặc thù của cấp Tiểu học, rèn luyện và phát triển khả năng sáng tạo cho HS không chỉ để các em có cơ hội học tập tốt hơn, được thừa nhận và tôn trọng, có điều kiện thành công hơn ở các bậc học tiếp theo và cuộc sống mà còn đáp ứng mục tiêu GD toàn diện cho người học ở cấp

học nền tảng này. Để đáp ứng được nhiệm vụ đó, yếu tố GV hết sức quan trọng. Một trong những vấn đề quan trọng nhất đối với người thầy ở cấp học này là sự sáng tạo ở HS, việc phát triển NLST, ý nghĩa của công việc sáng tạo đối với sự phát triển và trưởng thành của trẻ.

Vì thế, nhà trường sư phạm, nơi ĐT sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) trở thành những GV tiểu học trong tương lai phải có nhiệm vụ ĐT, rèn luyện NLST cho họ. Nó không chỉ giúp họ giải quyết những nhiệm vụ học tập trước mắt mà còn giúp họ có khả năng giải quyết những nhiệm vụ mang tính lâu dài của nghề nghiệp trong tương lai.

6. Thực trạng về năng lực sáng tạo của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

NLST của SV sư phạm ngành GDTH, được hiểu là NL sử dụng kiến thức vào việc giải quyết nhiệm vụ theo phương pháp mới để đưa ra các phương án mang tính độc đáo và đạt hiệu quả cao. Cấu thành của NLST của SV sư phạm ngành GDTH bao gồm: Vốn tri thức; khả năng sử dụng - áp dụng kiến thức để tạo ra phương án mới; hoạt động giải quyết bài tập mới (Động cơ kích thích tính tích cực tìm và xác định vấn đề giải quyết; hành động logic thể hiện kiến thức và trải nghiệm của SV ở kĩ năng phân tích, tổng hợp, liên tưởng và đánh giá vấn đề; hành động trực giác). Hoạt động này được kết thúc ở ý tưởng hay cách giải quyết vấn đề mới, độc đáo, có giá trị đối với hoạt động học nghề của họ.

Từ đó, mức độ biểu hiện ở các tiêu chí đo lường NLST của SV sư phạm ngành GDTH được xác định là: Tính mới mẻ, tính độc đáo, tính thành thực, tính mềm dẻo và tính hiệu quả. Tính mới mẻ: Vấn đề quen thuộc nhưng nhìn theo cách mới và đưa ra nhiều cách giải quyết mới; Tính độc đáo: Thể hiện ở cách giải quyết duy nhất, hoàn toàn chưa có trong kinh nghiệm của cá nhân và quá khan hiếm trong thực tế; Tính thành thực: Thể hiện ở sự liên tưởng nhanh và chính xác về những kiến thức cần để giải quyết khi đứng trước một tình huống mới, tìm ra nhiều phương án giải quyết khác nhau đối với vấn đề đã cho trong thời gian ngắn nhất; Tính mềm dẻo: Tái cấu trúc lại kiến thức theo cách tiếp cận mới, phương án tiếp cận vốn kinh nghiệm hoàn toàn mới; Tính hiệu quả: Sản phẩm đáp ứng yêu cầu, tốn ít thời gian để hoàn thành nhiệm vụ.

Nghiên cứu thực trạng về NLST (chỉ số sáng tạo: CQ) của SV sư phạm ngành GDTH được tiến hành trên 412 trường hợp SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư ngành GDTH thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Sài Gòn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn SV chỉ thể hiện sự vận dụng linh hoạt kiến thức và kĩ năng học tập dựa vào sự lưu loát trong từ ngữ để đưa ra các phương án tái cấu trúc lại kiến thức theo cách tiếp cận mới.

Kết quả nghiên cứu nhóm khách thể có NLST ở mức dưới trung bình cho thấy điểm số nằm rải rác từ 0,14 đến 0,24 điểm, trong đó số người đạt được mức điểm cao nhất chiếm 11,7%; số còn lại có mức điểm từ 0,19 trở xuống. Với 37/56 chiếm 66,1% số điểm bằng 0 ($\bar{X}=0.53 \pm 0.89$), tính độc đáo có điểm trung bình thấp nhất; tính thành thực có điểm trung bình cao nhất ($\approx 60\%$ SV đạt mức điểm > 20). Tuy nhiên, xét về mức độ biểu hiện theo xếp loại, duy nhất tính độc đáo có 0,2% ở mức độ cao và mức độ thấp chiếm tỉ lệ nhiều nhất.

Nổi bật trong phân loại các mức độ biểu hiện NLST của SV là mức trung bình, chiếm tỉ lệ xấp xỉ 3/4. Kết quả cho thấy phần lớn SV chưa thể hiện được sự nhạy cảm của tư duy, chưa có sự linh hoạt cao cũng như sử dụng những sự liên

kết không bình thường, sự kết hợp mới mẻ của thông tin, chưa có khả năng vận dụng dữ liệu từ nguồn kiến thức sâu rộng và toàn diện để giải quyết vấn đề.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm SV có CQ ở mức trên trung bình chỉ làm tốt một cách chính xác dưới dạng vốn từ, công thức, cách xử lí thông thường. Sự hạn chế đã bộc lộ rõ ở việc đòi hỏi SV phát hiện được những tâm nhìn, cách nhận định mới, độc đáo, phù hợp với nhiệm vụ giải quyết.

100% số SV có CQ ở nhóm điểm cao nhất trong bài đo tính thành thực, xếp thứ hai là bài tập đo tính mới mẻ với $\approx 80\%$ số bài đạt ở mức nhóm điểm cao, còn lại là nhóm điểm trung bình. Những SV đạt mức CQ cao đã hoàn thành bài test hiệu quả thông qua việc huy động các thao tác của tư duy một cách linh hoạt, nhạy bén trong việc vận dụng kiến thức để tạo nên những câu trả lời mang tính mới, lạ và khác biệt nhất. Tuy nhiên, những câu trả lời thể hiện khả năng liên tưởng xa, đòi hỏi trí tưởng tượng phong phú trên nền kiến thức để tìm ra các phương án giải quyết lại quá hãn hữu, thể hiện tư duy mang tính "đột phá" chưa mạnh mẽ.

Từ các kết quả phân tích trên, có thể rút ra một số kết luận sau: Mức độ biểu hiện NLST của SV sư phạm ngành GDTH ở mức trung bình, hơi nghiêng về dưới trung bình ($> 25\%$) so với mức trên trung bình ($< 25\%$), trong đó mức độ biểu hiện của tính độc đáo là thấp nhất - dưới mức trung bình ($> 60\%$). NLST của SV ngành GDTH mới chỉ dừng ở việc nhìn nhận và phát hiện được những chức năng mới của vấn đề mà nhiệm vụ đưa ra bằng những câu trả lời quen thuộc đã có trong kinh nghiệm của cá nhân.

7. Đề xuất mô hình đào tạo

Việc cải cách hay đổi mới GD (gồm cả ĐT) là tất yếu, trong đó một việc không thể thiếu là cải cách hay đổi mới KHSP. KHSP có nhiều bộ môn như: Tâm lí học, GD học, Phương pháp giảng dạy bộ môn, Lịch sử GD, Kinh tế GD, Xã hội học GD, Phương pháp đánh giá, kiểm tra, thi... Các bộ môn này là bộ phận của nhóm bộ môn nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay, nhiều trường sư phạm đã tăng cường nghiên cứu và giảng dạy nghiệp vụ sư phạm hơn.

KHSP nói chung, bộ môn nghiệp vụ sư phạm nói riêng phải giúp các giáo sinh có phương pháp tiếp cận sư phạm mới: Có nhận thức mới, tư duy mới về GD. Để đạt được những yêu cầu đó, chương trình ĐT GV cần chú ý đến phần thực hành, rèn luyện kĩ năng vận dụng vào hoạt động dạy và học, giáo sinh phải nhận thức hết tính sáng tạo của nghề DH.

Theo chúng tôi, có thể cung cấp tri thức và rèn luyện kĩ năng cho giáo sinh từ nhận thức mới về nghề DH, sứ mệnh của GD đến cách ứng xử sư phạm với HS, phụ huynh HS, tìm cách giảng dạy và GD phù hợp với đối tượng, nhất là GD "cá biệt", giảng dạy cá thể,... nhằm nâng cao hiểu biết cho GV và cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Với những phương pháp DH có hiệu quả, việc tổ chức hoạt động ĐT phải thay đổi theo cách:

+ DH thông qua tổ chức các hoạt động học tập của người học: Người dạy tổ chức, hướng dẫn cho người học tham gia nhiều các hoạt động học tập khác nhau một cách linh hoạt, chủ động. Người học tham gia bằng sự hứng thú, say mê, tích cực để nắm và hiểu được những kiến thức mới, tăng cường các hoạt động phong phú mà người dạy tổ chức và hướng dẫn giúp HS hình thành các kĩ năng giải quyết vấn đề sáng tạo.

+ DH chú trọng rèn luyện cách thức tự học: Người dạy tổ chức, hướng dẫn để người học tham gia vào các dạng hoạt



động chiếm lĩnh tri thức. Thông qua việc tham gia tích cực vào các hoạt động, người học hình thành thói quen- ý chí- tính tự giác học tập để phát triển nhân cách sáng tạo của họ.

+ Tăng cường học tập cá nhân, phối hợp với học tập hợp tác trong nhóm bạn bè: Người dạy cần tạo điều kiện để người học có điều kiện hợp tác, làm việc cùng nhau khi tham gia hoạt động học tập. Người dạy ở vị trí người tổ chức dẫn dắt hoạt động bằng sự khích lệ học tập và công nhận những cố gắng của người học. Qua đó, kích thích động cơ học tập sáng tạo để người học phấn đấu trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.

8. Kết luận

Một số lí thuyết sư phạm mới (phương pháp tiếp cận với hoạt động dạy và học) theo hướng đề cao nổi bật hướng vào sư phạm tích cực: Người học phải chủ động, linh hoạt, có động cơ đúng, hứng thú học tập; dạy và học để người học tự khám phá, hình thành được tư duy sáng tạo, linh hoạt, phức hợp, có kĩ năng vận dụng những điều đã học. Mỗi người học từ vốn tri thức phải tạo cho mình một vốn sống- tiếp tục coi trọng phương pháp dạy và học giải quyết vấn đề, với mỗi trường hợp đòi hỏi cách xử lí thích hợp. Do đó, KHSP ngày nay có thể gọi là KHSP sáng tạo dựa trên cơ sở tâm lí học sáng tạo.

Việc đổi mới tư duy về ĐT nghiệp vụ sư phạm cần nhận thức lại về vai trò của khoa học GD trong ĐT sư phạm, trong đó cần đặt đúng vị trí bộ môn Tâm lí học đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm, Tâm lí học sáng tạo. Trong thế kỉ mới, khoa học GD nói chung, khoa học GD vận dụng vào phục vụ ĐT sư phạm phải được bổ sung tâm lí học sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Minh Hạc, (2010), *Một số vấn đề giáo dục đầu*

thế kỉ XXI, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2]. Don Ambrose - LeoNora M. Cohen - Abraham J. Tannenbaum, (2003), *Creative intelligence: toward theoretic integration*, Publishing house Hampton Press, Inc.

[3]. Seymour W. Itzkoff, (2003), *Intellectual Capital in the XXI Century Politics*, NXB Asfield, MA, Paidea.

[4]. Phạm Thành Nghị, (2011), *Những vấn đề tâm lí học sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm.

[5]. Giselleo O. Martin-Kniep, (2011), *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[6]. Hồ Ngọc Đại, (2010), *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[7]. Alvin Tofler, (1992), *Làn sóng thứ ba*, NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.

[8]. Robert J. Marzano - DebraJ. Pickering - Jane E. Pollock, (2011), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[9]. Nguyễn Thị Liên, (2014), *Các yếu tố ảnh hưởng đến trí sáng tạo trong hoạt động học tập của sinh viên sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học*, Tạp chí Khoa học, Volume 59, số 6A.

SUMMARY

In the new era, the scientific pedagogy focused on competence development, from potential ability to creative competence. Students in Primary education major need to be trained and practised creative competence in order to address long-term professional tasks in the future. Then, with the effective teaching methods, the organization of training activities will change according to requirements of the new century.

Keywords: Creative competence; students in education major; primary education.

ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG... (Tiếp theo trang 33)

nghiên cứu chuyên nghiệp, hiệu quả. Muốn vậy, các trường đại học cần trang bị cho cán bộ, giảng viên, sinh viên kĩ năng làm việc nhóm thành thạo, tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các nhóm, áp dụng các hình thức thi đua, khen thưởng, động viên nhằm đẩy mạnh hoạt động của các nhóm trong suốt quá trình đào tạo. Bên cạnh đó, chú trọng hoạt động hợp tác quốc tế trong quá trình hình thành các nhóm nhằm nâng cao kĩ năng của các thành viên trong môi trường quốc tế để từ đó mạnh dạn cải tiến, xác lập các chuẩn chất lượng tiếp cận chuẩn chất lượng của khu vực và thế giới.

4. Kết luận

Một trong những nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa sống còn đối với tất cả các trường đại học hiện nay là phải đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng quá trình đào tạo. Muốn vậy các trường đại học cần đổi mới công tác quản lí quá trình đào tạo, trong đó cần nghiên cứu áp dụng phương thức QLCL phù hợp, khả thi với nền tảng, trình độ QLCL của nhà trường nhằm đảm bảo và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng quá trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đức Chính, (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Hoạt động đảm bảo chất lượng trong đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp*, Dự án Phát triển Giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp, Hà Nội.

[3]. Warren Piper, D., (1993), *Quality Management in Universities*, Canberra: AGPS.

SUMMARY

Quality management is a way to manage towards standard, being applied in the production process right from the years before the industrial revolution and then be applied into higher education. According to the level of development, quality management includes low to high management methods: quality control, quality assurance and total quality management. The application of specific quality management methods at universities heavily depends on the fit between development levels of school quality management and the basic features of each quality management methods. This article mentions the concept of quality management at universities with specific features in each quality management method, and then proposes measures to apply quality management methods in managing the training process quality at universities nowadays.

Keywords: Universities; quality control; quality assurance; total quality management.